

## Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quy chế của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Mẫu số 01/LCHS (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK LẮK  
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI.....  
(CHI NHÁNH .....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../PCTTĐC

....., ngày .... tháng ... năm ...

### PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: .....

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, MẶT NƯỚC, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 1.1. Tên <sup>(1)</sup>: .....
- 1.2. Địa chỉ <sup>(2)</sup>: .....
- 1.3. Số điện thoại liên hệ: ..... Email (nếu có): .....
- 1.4. Mã số thuế (nếu có): .....
- 1.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân <sup>(3)</sup>: .....  
Số .....; ngày cấp: ..... nơi cấp .....
- 1.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính <sup>(4)</sup>: .....

#### II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

##### 2.1. Thông tin về đất

- 2.1.1. Thửa đất số: .....; Tờ bản đồ số: .....
- 2.1.2. Địa chỉ tại <sup>(5)</sup>: .....
- 2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:  
- Đường/đoạn đường/khu vực <sup>(5.1)</sup>: .....  
- Vị trí thửa đất <sup>(6)</sup>: .....  
- Chiều sâu của thửa đất (nếu có): ..... m.  
- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có): ..... m.
- 2.1.4. Diện tích thửa đất: ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích sử dụng chung: ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích sử dụng riêng: ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất): ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích đất trong hạn mức: ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích đất ngoài hạn mức: ..... m<sup>2</sup>  
- Diện tích chuyển Mục đích sử dụng đất (theo từng vị trí): ..... m<sup>2</sup>

- 2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: .....
- 2.1.6. Mục đích sử dụng đất<sup>(7)</sup>: .....
- Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển Mục đích: .....
- 2.1.7. Thời hạn sử dụng đất:
- Ổn định lâu dài ☐
  - Có thời hạn: .....năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày: ...../...../.....
  - Gia hạn .....năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày: ...../...../.....
- 2.1.8. Thời Điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: ...../...../.....;
- 2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất<sup>(8)</sup>:
- Hình thức đang sử dụng: .....
  - Hình thức sau khi chuyển: .....
- 2.1.10. Giá đất:
- Giá đất cụ thể<sup>(9)</sup>: .....
  - Giá trúng đấu giá: .....
  - Giá đất trước khi chuyển Mục đích sử dụng đất<sup>(10)</sup>: .....
- 2.1.11. Giấy tờ về quyền sử dụng đất <sup>(11)</sup>: .....

## **2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác**

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình: .....; cấp hạng nhà ở, công trình: .....
- 2.2.2. Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung: .....m<sup>2</sup>; Diện tích sở hữu riêng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.5. Kết cấu: .....; Số tầng nổi: .....; Số tầng hầm: .....
- 2.2.5. Nguồn gốc: .....
- 2.2.6. Năm hoàn công: .....năm.
- 2.2.7. Thời hạn sở hữu đến: ..... năm.

## **III. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC, THUÊ MẶT NƯỚC**

### **3.1. Đối với thuê đất xây dựng công trình ngầm**

- Diện tích thuê đất xây dựng công trình ngầm: ..... m<sup>2</sup>;
- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất xây dựng công trình ngầm <sup>(12)</sup>: .....

### **3.2. Đối với thuê đất có mặt nước**

- Diện tích đất: .....m<sup>2</sup>;
- Diện tích mặt nước: .....m<sup>2</sup>;
- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất<sup>(13)</sup>: .....

### **3.3. Đối với thuê mặt nước**

- a) Vị trí mặt nước:
- b) Diện tích mặt nước thuê: .....m<sup>2</sup>;

- c) Mục đích sử dụng mặt nước: .....m<sup>2</sup>;
- d) Thời hạn thuê mặt nước: .....năm. Từ ngày .....đến ngày: .....
- đ) Hình thức thuê mặt nước: Trả tiền thuê hàng năm ☐ Trả tiền thuê một lần ☐

**IV. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT (nếu có)**

**4.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động)**

4.1.1. Loại biến động: .....

4.1.2. Loại tài sản biến động: .....

**4.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)**

- Đối tượng ghi nợ: .....

- Loại nghĩa vụ được ghi nợ: .....

**4.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính**

- Đối tượng miễn, giảm: .....

- Loại nghĩa vụ được miễn, giảm: .....

**4.4. Các Khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp**

Tên của Khoản được trừ: .....

**V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO<sup>(14)</sup>**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TẠI PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN

**Mục I.** Ghi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp nhiều người cùng chung quyền sử dụng đất, cùng chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi thông tin một người đại diện và danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS

(1) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh; hộ gia đình ghi “Hộ ông: ”(hoặc “Hộ bà”), tên và năm sinh của ông (hoặc bà); vợ chồng ghi họ tên, năm sinh của cả người vợ và chồng; Tổ chức ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư; cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch.

(2) Địa chỉ để gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính và trong trường hợp cần thiết liên lạc đề nghị cung cấp hồ sơ bổ sung theo quy định.

(3) Ghi tên loại giấy tờ nhân thân/pháp nhân như: Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước nhân dân, Hộ chiếu, Quyết định thành lập v.v...

(4) Ghi loại thủ tục như: cấp Giấy chứng nhận lần đầu, chuyển nhượng, tặng cho, chuyển Mục đích v.v...

**Mục II. Điểm 2.1.** Ghi thông tin từng thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất, vị trí, căn cứ pháp lý, Mục đích sử dụng thì kê khai thông tin chung và tổng diện tích; đồng thời lập danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS

(5) Ghi rõ tên đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố;

(5.1) Xác định theo từng đường, đường phố, đoạn đường, đoạn phố, khu vực; thửa đất ở góc đường có tiếp giáp và giao với đường có giá trong bảng giá đất tương ứng chỉ giới đường đỏ của đường giao, đường tiếp giáp để xác định giá của thửa đất ở góc đường (nhân với hệ số góc); phần diện tích tiếp giáp với đường, đường phố, đường trục chính, đường hẻm trong phạm vi tính từ lộ giới vào theo từng phạm vi tính từ lộ giới vào để xác định mức giá đất đối với từng phần diện tích;

(6) Vị trí thửa đất trong bảng giá đất (vị trí 1, 2, 3,...); các loại đất nông nghiệp được quy hoạch đất phi nông nghiệp tại các phường, thị trấn; được quy hoạch điểm dân cư nông thôn tại các xã theo quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền được nhân hệ số điều chỉnh bằng 1,5 lần tương ứng với giá đất theo từng vị trí.

(7) Mục đích sử dụng đất theo phân loại đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai và là Mục đích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc Mục đích sau khi chuyển Mục đích sử dụng đất.

(8) Ghi hình thức sử dụng đất như: giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất thuê đất trả tiền hàng năm hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê v.v...

(9), (10), (12), (13) Giá đất cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp phải xác định giá đất cụ thể theo các phương pháp so sánh, thu nhập, chiết trừ, thặng dư.

(11) Ghi tên loại giấy tờ, số, ngày, tháng, năm và trích yếu của văn bản. Ví dụ: Quyết định giao đất số 15/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về việc giao đất tái định cư v.v...

**Điểm 2.2.** Ghi thông tin về tài sản gắn liền với đất. Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì kê khai thông tin chung và tổng diện tích; đồng thời lập danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS.

**Mục V.** (14) Ghi các giấy tờ chuyển cho cơ quan thuế, cơ quan tài chính theo quy định tại Thông tư này.